

Số: 1705/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 16 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Công bố 14 (mười bốn) thủ tục hành chính bổ sung được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, UBND cấp huyện thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Ngành Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ Kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1811/QĐ-BKHĐT ngày 30/11/2015 về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng UBND tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã về việc công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1338/TTr-SKHĐT ngày 13/8/2019 và Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 1874/TTr-VPUBND ngày 14/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 14 (mười bốn) thủ tục hành chính bổ sung được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công,

UBND cấp huyện thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP; KSTTHC, TTPVHCC;
- Lưu: VT, KSTTHC. *4K*



Nguyễn Văn Trâm

PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN
QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2019
của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang	Mức DVC
I	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC			
1	BPC-284389	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT)	5	3
2	BPC-284390	Thẩm định điều chỉnh KHLCNT	11	3
3	BPC-284391	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng	13	2
4	BPC-284392	Thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ	15	2
5	BPC-284393	Thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương	18	2
II	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP)			
1	BPC-284394	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ trong tổ chức lựa chọn nhà đầu tư (Hồ sơ mời sơ tuyển; kết quả sơ tuyển; kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư; hồ sơ mời thầu; hồ sơ yêu cầu; danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và kết quả lựa chọn nhà đầu tư) đối với dự án PPP	24	2
III	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP			
1	BPC-284395	Thủ tục Thông báo về việc phản hồi kết quả rà soát thông tin đăng ký doanh nghiệp, tình trạng hoạt động doanh nghiệp	26	3
2	BPC-284396	Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận	30	3

TT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang	Mức DVC
		đầu tư		
3	BPC-284397	Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư	40	3
IV	LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ			
1	BPC-284398	Đăng ký thành lập tổ chức khoa học và công nghệ công lập	46	3
2	BPC-284399	Đăng ký hoạt động đối với các chi nhánh, văn phòng đại diện tổ chức khoa học và công nghệ công lập	51	3
3	BPC-284400	Đăng ký hoạt động đối với địa điểm kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ công lập	56	3
4	BPC-284401	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập	61	3

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang	Mức DVC
I	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC			
1	BPC-284402	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	63	3

Phần II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC
BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH
KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ VỐN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:

1. Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT). Mã số hồ sơ: BPC-284389:

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến đến bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Phòng Đầu tư; Thẩm định và Giám sát đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ và tổ chức phân công thẩm định (tối đa 0,5 ngày).

- Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư tiến hành thẩm định và ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT) theo ủy quyền của UBND tỉnh hoặc trình UBND tỉnh phê duyệt (tối đa 09 ngày).

- Bước 4: UBND tỉnh Quyết định phê duyệt KHLCNT (tối đa 4,5 ngày).

- Bước 5: Văn phòng UBND tỉnh trả kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (tối đa 0,5 ngày).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình phê duyệt KHLCNT. 02 bản chính.

- Quyết định phê duyệt dự án (đối với dự án đầu tư) hoặc quyết định phê duyệt đề cương, nhiệm vụ và dự toán chi phí (đối với dự án quy hoạch).

- Hồ sơ dự án được phê duyệt.

- Quyết định phê duyệt dự toán và hồ sơ dự toán được phê duyệt (trường hợp đã phê duyệt dự toán).

- Các tài liệu chứng minh nguồn vốn cho dự án. 02 bản

- Các văn bản chỉ đạo, kết luận của cấp có thẩm quyền liên quan (nếu có).

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, trong đó:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định: 10 ngày làm việc.



- UBND tỉnh phê duyệt: 05 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện TTHC: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu do UBND tỉnh phê duyệt.

- Quyết định phê duyệt (đối với trường hợp ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt).

- Văn bản phúc đáp (đối với trường hợp KHLCNT không đủ điều kiện để phê duyệt).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Tờ trình phê duyệt KHLCNT (ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013:

- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

TỜ TRÌNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ KHĐT)
[TÊN CƠ QUAN CHỦ ĐẦU TƯ] CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: _____, ngày _____ tháng _____ năm _____

TỜ TRÌNH

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
dự án: _____ [ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [ghi tên người có thẩm quyền]

Căn cứ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013];

Căn cứ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ _____ [ghi số, thời gian phê duyệt và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

- Quyết định phê duyệt dự án hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các tài liệu có liên quan;

- Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán (nếu có);

- Quyết định phân bổ vốn, giao vốn cho dự án;

- Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi;

- Các văn bản pháp lý liên quan].

[Ghi tên chủ đầu tư] trình [ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Mô tả tóm tắt dự án

Phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:

- Tên dự án;

- Tổng mức đầu tư;

- Tên chủ đầu tư;

- Nguồn vốn;

- Thời gian thực hiện dự án;

- Địa điểm, quy mô dự án;

- Các thông tin khác (nếu có).

II. Phân công việc đã thực hiện

Bảng số 1

STT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu ⁽¹⁾	Đơn vị thực hiện ⁽²⁾	Giá trị ⁽³⁾	Văn bản phê duyệt ⁽⁴⁾
1				
2				
...				
Tổng giá trị [kết chuyển sang Bảng số 5]				

Ghi chú:

(1) Ghi tóm tắt nội dung công việc hoặc tên các gói thầu đã thực hiện.

(2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện.

(3) Ghi giá trị của phần công việc, ghi cụ thể đồng tiền.

(4) Ghi tên văn bản phê duyệt (Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định giao việc,...).

III. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu

Bảng số 2

STT	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Đơn vị thực hiện ⁽²⁾	Giá trị ⁽³⁾
1			
2			
...			
Tổng giá trị thực hiện [kết chuyển sang Bảng số 5]			

Ghi chú:

(1) Mô tả tóm tắt nội dung công việc và không bao gồm phần công việc đã kê tại Bảng 1.

(2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện (nếu có).

(3) Ghi giá trị của phần công việc; ghi cụ thể đồng tiền.

IV. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

[Chủ đầu tư điền các nội dung cụ thể của gói thầu trong **Bảng số 3** theo hướng dẫn quy định tại Điều 5 Thông tư này].

Bảng số 3

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1								
2								
....								
Tổng giá gói thầu								
[kết chuyển sang Bảng số 5]								

2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Trong Mục này cần giải trình các nội dung tại **Bảng số 3**, cụ thể như sau:

a) Cơ sở phân chia các gói thầu: ___[giải trình cơ sở phân chia dự án thành các gói thầu. Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, không được chia những công việc của dự án thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ;

+ Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án;

+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án, năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);

Việc chia dự án thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu].

- b) Giá gói thầu;
- c) Nguồn vốn;
- d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu;
- đ) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;
- e) Loại hợp đồng;
- g) Thời gian thực hiện hợp đồng.

V. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)

Bảng số 4

STT	Nội dung	Giá trị
1		
2		
3		
...		
n		
Tổng giá trị các phần công việc [kết chuyển sang Bảng số 5]		

VI. Tổng giá trị các phần công việc

Bảng số 5

STT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	
Tổng giá trị các phần công việc		
Tổng mức đầu tư của dự án		[ghi tổng mức đầu tư của dự án]

VII. Kiến nghị

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, [ghi tên chủ đầu tư] đề nghị ___ [ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: ___ [ghi tên dự án].

Kính trình [ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, quyết định./.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức thẩm định;
- Lưu VT.

PHỤ LỤC TỜ TRÌNH

(Kèm theo Tờ trình số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___)

BẢNG TÀI LIỆU KÈM THEO VĂN BẢN TRÌNH DUYỆT

STT	Nội dung	Ghi chú
1	Quyết định số ___ của ___ về việc phê duyệt dự án ___	Bản chụp
2	Quyết định số ___ của ___ về việc phê duyệt dự toán ___	Bản chụp
	Các văn bản phê duyệt tại Bảng số 1	Bản chụp
...		
<i>n</i>		

2. Quyết định phê duyệt điều chỉnh KHLCNT. Mã số hồ sơ: BPC-284390.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến đến bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Phòng Đầu tư, Thẩm định và Giám sát đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ và tổ chức phân công thẩm định (tối đa 0,5 ngày).

- Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư tiến hành thẩm định và ban hành Quyết định phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT) theo ủy quyền của UBND tỉnh hoặc trình UBND tỉnh phê duyệt (tối đa 09 ngày).

- Bước 4: UBND tỉnh Quyết định phê duyệt điều chỉnh KHLCNT (tối đa 4,5 ngày).

- Bước 5: Văn phòng UBND tỉnh trả kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (tối đa 0,5 ngày).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình phê duyệt điều chỉnh KHLCNT. 02 bản chính

- Quyết định phê duyệt KHLCNT (đã phê duyệt trước đó).

- Các hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến việc điều chỉnh KHLCNT (như quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán,...)

- Các tài liệu chứng minh nguồn vốn cho dự án (nếu có). 02 bản.

- Các văn bản chỉ đạo, kết luận của cấp có thẩm quyền liên quan (nếu có).

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, trong đó:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định: 10 ngày làm việc.

- UBND tỉnh phê duyệt: 05 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.



- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu do UBND tỉnh phê duyệt.

- Quyết định phê duyệt điều chỉnh (đối với trường hợp ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt).

- Văn bản phúc đáp (đối với trường hợp KHLCNT điều chỉnh không đủ điều kiện để phê duyệt).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013:

- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

3. Quyết định phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng. Mã số hồ sơ: BPC-284391.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến đến bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (tối đa 0,5 ngày).

- Bước 2: Phòng Đầu tư, Thẩm định và Giám sát đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ và tổ chức phân công thẩm định (tối đa 0,5 ngày).

- Bước 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến góp ý của các đơn vị có liên quan (tối đa 07 ngày đối với dự án nhóm B, 05 ngày đối với dự án nhóm C trọng điểm, nhóm C).

- Bước 4: Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến góp ý và lập Báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt (tối đa 12 ngày đối với dự án nhóm B, 09 ngày đối với dự án nhóm C trọng điểm, nhóm C).

- Bước 5: UBND tỉnh Quyết định phê duyệt dự án (tối đa 9,5 ngày đối với dự án nhóm B, 9,5 ngày đối với dự án nhóm C trọng điểm, nhóm C).

- Bước 6: Văn phòng UBND tỉnh trả kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (tối đa 0,5 ngày).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

- Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền.

- Hồ sơ dự án.

- Báo giá thiết bị, hàng hóa hoặc kết quả thẩm định giá (trường hợp chủ đầu tư đã tổ chức thẩm định giá thiết bị, hàng hóa).

- Các văn bản chỉ đạo, thông báo kết luận của cấp thẩm quyền liên quan đến dự án (nếu có).

- Các tài liệu, văn bản hướng dẫn chuyên ngành có tính đặc thù liên quan đến dự án (nếu có).

*** Số lượng hồ sơ:** 07 bộ (đối với hồ sơ dự án); 02 bộ đối với các văn bản còn lại.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc đối với dự án nhóm B; 35 ngày làm việc đối với dự án nhóm C, C trọng điểm, trong đó:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định:

+ Dự án nhóm B: 20 ngày.

+ Dự án nhóm C, C trọng điểm: 15 ngày.

- UBND tỉnh phê duyệt: 10 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định phê duyệt dự án do UBND tỉnh phê duyệt.

- Quyết định phê duyệt điều chỉnh (đối với trường hợp ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt).

- Văn bản phúc đáp (đối với trường hợp dự án không đủ điều kiện để phê duyệt).

h) Phí, lệ phí: Có (thực hiện theo định mức tỷ lệ % dự án đầu tư có cấu phần xây dựng được quy định tại Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng về công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 về quy chế quản lý đầu tư và xây dựng được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 và - Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003;

- Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

- Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

4. Quyết định phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ. Mã số hồ sơ: BPC-284392.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến đến bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (tối đa 0,5 ngày).

- Bước 2: Phòng Đầu tư, Thẩm định và Giám sát đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ và tổ chức phân công thẩm định (tối đa 0,5 ngày).

- Bước 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến góp ý của các đơn vị có liên quan (tối đa 07 ngày đối với dự án nhóm B).

- Bước 4: Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến góp ý và lập Báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt (tối đa 12 ngày đối với dự án nhóm B).

- Bước 5: Sở Kế hoạch và Đầu tư trình, báo cáo UBND tỉnh, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh cho ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Sau khi HĐND tỉnh chấp thuận, UBND tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

- Bước 6: Trên cơ sở ý kiến của Bộ, ngành Trung ương, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (tối đa 9,5 ngày đối với dự án nhóm B).

- Bước 7: Văn phòng UBND tỉnh trả kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (tối đa 0,5 ngày).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.
- Báo cáo Thẩm định nội bộ.
- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.
- Ý kiến HĐND các cấp đối với dự án nhóm B.
- Các văn bản chỉ đạo, thông báo kết luận của cấp thẩm quyền liên quan đến chủ trương đầu tư dự án (nếu có).
- Các tài liệu; quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan; hướng dẫn chuyên ngành có tính đặc thù liên quan đến dự án (nếu có).

*** Số lượng hồ sơ:** 07 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định: 20 ngày.

- HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư: 10 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư: HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án do HĐND tỉnh phê duyệt.

- Văn bản phúc đáp (đối với trường hợp Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án không đủ điều kiện để phê duyệt).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

- Tên mẫu đơn: Tờ trình phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (Ban hành kèm theo Mẫu số 01, 02 Phụ lục III Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ).

- Mẫu Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: (Ban hành kèm theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 09/10/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

- Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 09/10/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

- Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ quy định cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg, ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;



5. Quyết định phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương. Mã số hồ sơ: BPC-284393.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến đến bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (tối đa 0,5 ngày).

- Bước 2: Phòng Đầu tư, Thẩm định và Giám sát đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ và tổ chức phân công thẩm định (tối đa 0,5 ngày).

- Bước 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến góp ý của các đơn vị có liên quan (tối đa 07 ngày đối với dự án nhóm B, 05 ngày đối với dự án nhóm C trọng điểm, C).

- Bước 4: Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến góp ý và lập Báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt (tối đa 12 ngày đối với dự án nhóm B, 09 ngày đối với dự án nhóm C trọng điểm, C).

- Bước 5: Cấp có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (tối đa 9,5 ngày đối với dự án nhóm B, 9,5 ngày đối với dự án nhóm C trọng điểm, nhóm C).

- Bước 6: Văn phòng UBND tỉnh trả kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (tối đa 0,5 ngày).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

- Báo cáo thẩm định nội bộ.

- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

- Ý kiến HĐND các cấp đối với dự án nhóm B, nhóm C trọng điểm.

- Các văn bản chỉ đạo, thông báo kết luận của cấp thẩm quyền liên quan đến chủ trương đầu tư dự án (nếu có).

- Các tài liệu: quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan; hướng dẫn chuyên ngành có tính đặc thù liên quan đến dự án (nếu có).

*** Số lượng hồ sơ:** 07 bộ hồ sơ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định:

+ Dự án nhóm B: 20 ngày.

+ Dự án nhóm C khác, C trọng điểm: 15 ngày.

- Cấp có thẩm quyền phê duyệt: 10 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư: UBND tỉnh (dự án nhóm C), HĐND tỉnh (đối với dự án nhóm B, nhóm C trọng điểm).

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án do Cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Văn bản phúc đáp (đối với trường hợp Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án không đủ điều kiện để phê duyệt).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

- Tên mẫu đơn: Tờ trình phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (Ban hành kèm theo Mẫu số 01, 02 Phụ lục III Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ).

- Mẫu Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: (Ban hành kèm theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 09/10/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

- Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

- Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 09/10/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

- Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ quy định cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Mẫu số 01

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.....

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan),

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Dự án nhóm:
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:
4. Cấp quyết định đầu tư dự án:
5. Tên chủ đầu tư (nếu có):
6. Địa điểm thực hiện dự án:
7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể).
8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định:
9. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định:
10. Thời gian thực hiện (tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án):
11. Hình thức đầu tư của dự án:
12. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

Kèm theo đầy đủ các hồ sơ theo quy định tại Điều 20 của Nghị định này.

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) xem xét, thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án)/.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TRÌNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án;
- Cơ quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

Tên người đại diện

Mẫu số 02

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan),

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Dự án nhóm:
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:
4. Cấp quyết định đầu tư dự án:
5. Tên chủ đầu tư (nếu có):
6. Địa điểm thực hiện dự án:
7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể).
8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định:
9. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định:
10. Thời gian thực hiện (tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án):
11. Hình thức đầu tư của dự án:
12. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Theo quy định tại Điều 21 của Nghị định này.
2. Lệnh khẩn cấp của cấp có thẩm quyền (đối với dự án khẩn cấp).
(Tên cơ quan) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) xem xét, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án (Tên dự án)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TRÌNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

Mẫu số 04

TÊN CƠ QUAN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
.....

Số: , ngày tháng năm

BÁO CÁO

Đề xuất chủ trương đầu tư dự án

Kính gửi: (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án)

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan),

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án) Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Dự án nhóm:
3. Cấp quyết định đầu tư dự án:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có):
5. Địa điểm thực hiện dự án:
6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:
(trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể):
7. Thời gian thực hiện:
8. Các thông tin khác (nếu có):

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

1. Nội dung chủ yếu Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C: báo cáo đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 36 của Luật Đầu tư công.
2. Nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án khẩn cấp nhóm B, nhóm C báo cáo đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 36 của Luật Đầu tư công và các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 19 của Nghị định này.
(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án) xem xét, quyết định quyết định chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án)/.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

Tên người đại diện

II. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP).

1. Thẩm định, phê duyệt hồ sơ trong tổ chức lựa chọn nhà đầu tư (Hồ sơ mời sơ tuyển; kết quả sơ tuyển; kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư; hồ sơ mời thầu; hồ sơ yêu cầu; danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và kết quả lựa chọn nhà đầu tư) đối với dự án PPP và dự án đầu tư có sử dụng đất. Mã số hồ sơ: BPC-284394.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Đơn vị chuẩn bị dự án hoặc Nhà đầu tư được giao làm bên mời thầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến đến bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (tối đa 0,5 ngày).

- Bước 2: Phòng Đầu tư, Thẩm định và Giám sát đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ và tổ chức phân công thẩm định (tối đa 0,5 ngày).

- Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư lập Báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt (tối đa 24 ngày).

- Bước 4: UBND tỉnh quyết định phê duyệt Hồ sơ mời sơ tuyển; kết quả sơ tuyển; kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư; hồ sơ mời thầu; hồ sơ yêu cầu; danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và kết quả lựa chọn nhà đầu tư (tối đa 9,5 ngày).

- Bước 5: Văn phòng UBND tỉnh trả kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (tối đa 0,5 ngày).

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị thẩm định Hồ sơ mời sơ tuyển; kết quả sơ tuyển; kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư; hồ sơ mời thầu; hồ sơ yêu cầu; danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

- Hồ sơ đề nghị thẩm định.

- Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan.

Ghi chú: Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.

*** Số lượng hồ sơ:** Số lượng hồ sơ: 06 bộ hồ sơ (bản chính).

d) Thời hạn giải quyết: Tối đa 35 ngày đối với từng nội dung, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lưu ý: Khi bên mời thầu tiến hành mỗi bước trong tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, đều tiến hành theo trình tự trên; Riêng thời gian UBND tỉnh phê duyệt

KHLCNĐT là 05 ngày

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bên mời thầu.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

* Đơn vị thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

* Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt: UBND tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo Hồ sơ mời sơ tuyển; kết quả sơ tuyển; kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư; hồ sơ mời thầu; hồ sơ yêu cầu; danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và kết quả lựa chọn nhà đầu tư phê duyệt.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tham khảo mẫu hướng dẫn lập hồ sơ trong tổ chức lựa chọn nhà đầu tư dự án PPP và dự án đầu tư có sử dụng đất đang có hiệu lực thi hành.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

- Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đầu tư về lựa chọn Nhà đầu tư;

- Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND tỉnh về việc Ban hành quy chế phối hợp của các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

PHỤ

III. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP:

1. Thông báo về việc phản hồi kết quả rà soát thông tin đăng ký doanh nghiệp, tình trạng hoạt động doanh nghiệp. Mã thủ tục (chưa có, đề xuất công bố thêm). Mã số hồ sơ: BPC-284395.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Doanh nghiệp gửi thông báo đến Bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận hồ sơ cho doanh nghiệp sau khi tiếp nhận thông báo của doanh nghiệp. Khi nhận được hồ sơ hợp lệ. Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật thông tin lên cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐKDN

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<https://dangkykinhdoanh.gov.vn>).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:** Thông báo về việc phản hồi kết quả rà soát thông tin đăng ký doanh nghiệp, tình trạng hoạt động doanh nghiệp (*theo mẫu*).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phòng ĐKKD cập nhật thông tin lên cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐKDN

h) Lệ phí: Miễn lệ phí (Thông tư số 215/2016/TT-BTC)

i) Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:

- Thông báo về việc phản hồi kết quả rà soát thông tin đăng ký doanh nghiệp, tình trạng hoạt động doanh nghiệp (Phụ lục II-15, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT).

k) Yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính:

Nộp Thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh chậm nhất 15 ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh.

l) Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm



Phụ lục II-15

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc phản hồi kết quả rà soát thông tin đăng ký doanh nghiệp,
tình trạng hoạt động doanh nghiệp**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Bình Phước

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Sau khi rà soát, kiểm tra đối chiếu và bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp, tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, doanh nghiệp xác nhận (đánh dấu X vào phần kết quả phù hợp với kết quả kiểm tra của doanh nghiệp):

- I. Thông tin đăng ký doanh nghiệp là đầy đủ, chính xác
- II. Thông tin đăng ký doanh nghiệp còn thiếu
- III. Thông tin đăng ký doanh nghiệp chưa thống nhất giữa nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế hoặc khác so với thông tin hiện tại của doanh nghiệp đã thay đổi nhưng doanh nghiệp chưa đăng ký

Doanh nghiệp cập nhật chính xác những thông tin còn thiếu tại Mục II:

Thông tin đăng ký kinh doanh	Thông tin đăng ký thuế
1. Đối với doanh nghiệp:	1. Đối với doanh nghiệp:
2. Các chi nhánh:	2. Các chi nhánh:
3. Các văn phòng đại diện:	3. Các văn phòng đại diện:

Doanh nghiệp cam kết:

- Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều

31, 32 Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh gửi Thông báo rà soát (*chỉ kê khai mục này nếu đánh dấu vào mục III ở trên*).

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật ký trực tiếp vào phần này.

2. Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư.
Mã số hồ sơ: BPC-284396.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, doanh nghiệp nộp giấy đề nghị kèm theo bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư, Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Bước 2: Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận hồ sơ cho doanh nghiệp sau khi tiếp nhận thông báo của doanh nghiệp. Khi nhận được hồ sơ hợp lệ. Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật thông tin lên cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐKDN

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<https://dangkykinhdoanh.gov.vn>).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư;

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư;

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.

- Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

h) Lệ phí:

100.000 đồng/lần đổi với trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 130/2017/TT-BTC sửa đổi một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 215/2016/TT-BTC).

i) Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:

Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (Phụ lục II-18, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT).

k) Yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư nay có nhu cầu cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

l) Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục II-18

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Bình Phước

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (*hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cụ thể như sau (*đánh dấu X vào ô thích hợp*):

Loại hình doanh nghiệp

- Công ty TNHH một thành viên
- Công ty TNHH hai thành viên trở lên
- Công ty cổ phần
- Công ty hợp danh

1. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên công ty viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

3. Ngành, nghề kinh doanh² (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

5. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

Tài sản góp vốn (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên)

2

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần (VNĐ):

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán (nếu có):

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
-----	----------------------------------	----------

1	Cổ phần phổ thông	
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	
Tổng số:		

6. Chủ sở hữu (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên):

a) **Đối với chủ sở hữu là cá nhân** (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu không phải là người đại diện theo pháp luật):

Họ tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):



b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

7. Mô hình tổ chức công ty trách nhiệm hữu hạn (đánh dấu X vào ô thích hợp, chỉ kê khai đối với công ty TNHH một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

8. Người đại diện theo pháp luật³ (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)/Chủ tịch công ty (đối với công ty hợp danh):

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/..../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/..../....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

³ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Danh sách thành viên công ty⁴ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên/công ty hợp danh, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền⁴ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức/ cổ đông là tổ chức nước ngoài của công ty cổ phần): Gửi kèm

11. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài⁵ (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần chưa niêm yết, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
12.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
12.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁶ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
12.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính):

^{4,4,5} Thành viên, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền không bắt buộc phải ký vào danh sách thành viên, danh sách cổ đông, danh sách người đại diện theo ủy quyền.

⁶ Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 12.4 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 12.2

	Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):				
12.4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>				
12.5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)				
12.6	Tổng số lao động:				
12.7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không				
12.8	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁸ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
12.9	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">Tên ngân hàng</td> <td style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....				

⁷ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁸ Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên)⁹



⁹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

3. Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư. Mã số hồ sơ: BPC-284397.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, doanh nghiệp nộp giấy đề nghị kèm theo Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp, Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận hồ sơ cho doanh nghiệp sau khi tiếp nhận thông báo của doanh nghiệp. Khi nhận được hồ sơ hợp lệ. Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật thông tin lên cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐKDN

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<https://dangkykinhdoanh.gov.vn>).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động quy định tại Phụ lục II-19 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT (trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương);

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh (trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương).

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.

- Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

h) Lệ phí:

100.000 đồng/lần đổi với trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 130/2017/TT-BTC sửa đổi một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 215/2016/TT-BTC).

i) Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:

Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (Phụ lục II-19, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT).

k) Yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư nay có nhu cầu cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

l) Căn cứ pháp lý thực hiện thủ tục hành chính:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC. *Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm*

Phụ lục II-19
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN DOANH NGHIỆP
Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Bình Phước

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh viết tắt (nếu có):

2. Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế:
.....

3. Thông tin về Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):

Số Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

4. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

5. Ngành, nghề kinh doanh/nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

6. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại Giấy tờ chứng thực cá nhân:

- Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

7. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
-----	-------------------------------------



1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (<i>nếu có</i>): Email (<i>nếu có</i>):
2	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
3	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ¹ (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)
4	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):
5	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
6	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ² : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>
7	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>):

¹ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

² Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
.....
.....

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận).

II. Thông tin về chi nhánh chủ quản³ (kê khai theo hướng dẫn tại mục I Phụ lục này)

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận).

III. Thông tin về doanh nghiệp⁴ (kê khai theo mẫu tại Phụ lục II-18)

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên)

³ Chỉ kê khai trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.

⁴ Chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác).

IV. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ:

1. Đăng ký thành lập tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Mã số hồ sơ: BPC-284398.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Công dân, tổ chức: nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<https://dangkykinhdoanh.gov.vn>).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:** bao gồm:
 - + Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh;
 - + Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ;
 - + Bản sao hợp lệ Quyết định thành lập tổ chức khoa học và công nghệ công lập của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - + Quyết định bổ nhiệm thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ;
 - + Bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp của thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ;
 - + Bản sao hợp lệ Quyết định phê duyệt phương án tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP;
 - + Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với tổ chức khoa học công nghệ hoạt động trong những lĩnh vực mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định;
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ/Thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp doanh nghiệp (theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Công văn số 4049/BKHĐT-ĐKKD ngày 18/5/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Công văn số 4049/BKHĐT-ĐKKD ngày
18/5/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ KINH DOANH
TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Bình Phước.

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

**Đăng ký kinh doanh tổ chức khoa học và công nghệ công lập do tôi làm người
đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:**

2. Tên tổ chức khoa học và công nghệ:

Tên tổ chức khoa học và công nghệ viết bằng tiếng việt (ghi bằng chữ in
hoa)

Tên tổ chức khoa học và công nghệ viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): .

Tên tổ chức khoa học và công nghệ viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Tên cơ quan chủ quản: (ghi bằng chữ in hoa).....

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ
thống ngành kinh tế của Việt Nam):

¹- Tổ chức khoa học và công nghệ có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;

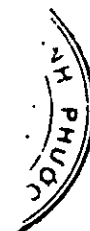
STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Tổng giá trị tài sản được giao quản lý và sử dụng tại thời điểm đăng ký kinh doanh:

- Tổng số (bằng số; VND):
- Trong đó:
- Đồng Việt Nam:
 - Ngoại tệ tự do chuyển đổi:
 - Vàng:
 - Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật:
 - Tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh):

6. Người đại diện theo pháp luật²:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:
- Chức danh:
- Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:
- Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:
- Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
- Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):
- Số giấy chứng thực cá nhân:
- Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:
 - Xã/Phường/Thị trấn:
 - Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 - Tỉnh/Thành phố:



- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, tổ chức khoa học và công nghệ chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Tôi cam kết:

- Tru sở tổ chức khoa học và công nghệ thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....
-.....
-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ**
(Ký và ghi họ tên)³

³ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

2. Đăng ký hoạt động đối với các chi nhánh, văn phòng đại diện tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Mã số hồ sơ: BPC-284399.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức chuẩn bị hồ sơ hợp lệ theo quy định.
- Bước 2: Công dân, tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
- Bước 3: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận.
- Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<https://dangkykinhdoanh.gov.vn>).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:** bao gồm:
 - + Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện;
 - + Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
 - + Bản sao hợp lệ Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ;
 - + Bản sao hợp lệ Quyết định thành lập tổ chức khoa học và công nghệ công lập của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - + Bản sao hợp lệ Quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện;
 - + Bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện;
- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức khoa học và công nghệ.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện (theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Công văn số 4049/BKHĐT-ĐKKD ngày 18/5/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ;

- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Phụ lục số 02
ban hành kèm theo Công văn số 4049/BKHĐT-ĐKKD ngày 18/5/2017 của Bộ
Kế hoạch và Đầu tư

TÊN TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
**VỀ VIỆC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH/
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/LẬP ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**
TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Bình Phước.

Tên tổ chức KH&CN (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
Do..... Cấp ngày:...../.....
Điện thoại:.....Fax:.....
Email:..... Website.....

**Đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/
Thông báo lập địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:**

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt(*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

4. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày: /..... / Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp: /..... / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: /..... / Ngày hết hạn: /..... / Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

5. Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh:

Tổ chức khoa học và công nghệ cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....
-.....
-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/NGƯỜI
ĐỨNG ĐẦU CHI NHÁNH¹**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

¹Trường hợp lập địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đứng đầu chi nhánh tổ chức khoa học và công nghệ ký trực tiếp vào phần này;

² Trường hợp lập địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của tổ chức khoa học và công nghệ ký trực tiếp vào phần này.

3. Đăng ký hoạt động đối với địa điểm kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Mã số hồ sơ: BPC-284400.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Công dân, tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Phòng Đăng ký kinh doanh tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận. Khi nhận được hồ sơ hợp lệ. Phòng Đăng ký kinh doanh tổ chức thẩm định và trả kết quả cho Công dân, tổ chức.

- Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<https://dangkykinhdoanh.gov.vn>).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:** bao gồm:

+ Thông báo lập địa điểm kinh doanh;

+ Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về thành lập địa điểm kinh doanh;

+ Bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân đối với người đứng đầu địa điểm kinh doanh;

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động địa điểm của tổ chức khoa học và công nghệ.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo lập địa điểm kinh doanh (theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Công văn số 4049/BKHĐT-ĐKKD ngày 18/5/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm



Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
**VỀ VIỆC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH/
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/LẬP ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**
TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Bình Phước.

Tên tổ chức KH&CN (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Do..... Cấp ngày:...../.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website.....

**Đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/
Thông báo lập địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:**

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt(*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (*đối với chi nhánh, ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành
-----	-----------	----------

--	--	--

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

4. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày: /..... /..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp: /..... /..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: /..... /..... Ngày hết hạn: /..... /..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

5. Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh:

Tổ chức khoa học và công nghệ cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

-.....

-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/NGƯỜI
ĐỨNG ĐẦU CHI NHÁNH¹**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

¹Trường hợp lập địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đứng đầu chi nhánh tổ chức khoa học và công nghệ ký trực tiếp vào phần này;

² Trường hợp lập địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của tổ chức khoa học và công nghệ ký trực tiếp vào phần này.

4. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Mã số hồ sơ: BPC-284401.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Công dân, tổ chức nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ số 727, QL14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Phòng Đăng ký kinh doanh tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận. Khi nhận được hồ sơ hợp lệ. Phòng Đăng ký kinh doanh tổ chức thẩm định và trả kết quả cho Công dân, tổ chức.

- Bước 3: Căn cứ ngày hẹn trên giấy biên nhận Tổ chức nhận trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng ký trả phí để nhận qua đường bưu điện tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<https://dangkykinhdoanh.gov.vn>).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- **Thành phần hồ sơ:** Theo trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi như các loại hình doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 2 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTHC: tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh.

g) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi.

h) Lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: theo Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
 - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký Doanh nghiệp;
 - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
 - Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ;
 - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;
 - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
-

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN
I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:

1. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Mã số hồ sơ: BPC-284402.

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Bên mời thầu lập kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư trình người có thẩm quyền; đồng thời gửi đơn vị thẩm định.

- Bước 2: Cơ quan, đơn vị thẩm định thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư trên cơ sở:

+ Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư là việc tiến hành thẩm tra, đánh giá các nội dung quy định tại điều 23 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015;

+ Đơn vị được giao thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư lập báo cáo thẩm định trình người có thẩm quyền phê duyệt;

+ Trước khi ký báo cáo thẩm định, đơn vị thẩm định có thể tổ chức họp giữa các bên để giải quyết các vấn đề còn tồn tại nếu thấy cần thiết.

- Bước 3: Căn cứ báo cáo thẩm định, người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư bằng văn bản để làm cơ sở tiến hành lựa chọn nhà đầu tư.

b) Cách thức thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận “một cửa” thuộc UBND cấp huyện hoặc dịch vụ công trực tuyến của tỉnh (<http://dichvucong.binhphuoc.gov.vn/>).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư:

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt nội dung kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư;

+ Báo cáo thẩm định;

+ Các tài liệu liên quan cần thiết khác.

- Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư:

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt nội dung kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư;

+ Báo cáo thẩm định;

+ Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư;

+ Các tài liệu liên quan cần thiết khác.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bản chụp các tài liệu nêu trên.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định TTHC: UBND cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tài chính - Kế hoạch..

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định, quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư.

h) Lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Không có

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

- Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Mẫu đơn, tờ khai hành chính đính kèm

Mẫu Tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

[TÊN CƠ QUAN
CHỦ ĐẦU TƯ]

Số: _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

TỜ TRÌNH

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

dự án: _____ [ghi tên dự án]

Kính gửi: _____ [ghi tên người có thẩm quyền]

Căn cứ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013];

Căn cứ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ _____ [ghi số, thời gian phê duyệt và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

- Quyết định phê duyệt dự án hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các tài liệu có liên quan;

- Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán (nếu có);

- Quyết định phân bổ vốn, giao vốn cho dự án;

- Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi;

- Các văn bản pháp lý liên quan].

[Ghi tên chủ đầu tư] trình [ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. Mô tả tóm tắt dự án

Phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:

- Tên dự án;

- Tổng mức đầu tư;

- Tên chủ đầu tư;

- Nguồn vốn;

- Thời gian thực hiện dự án;

- Địa điểm, quy mô dự án;

- Các thông tin khác (nếu có).

II. Phần công việc đã thực hiện

Bảng số 1

STT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu ⁽¹⁾	Đơn vị thực hiện ⁽²⁾	Giá trị ⁽³⁾	Văn bản phê duyệt ⁽⁴⁾
1				
2				
...				
Tổng giá trị [kết chuyển sang Bảng số 5]				

Ghi chú:

(1) Ghi tóm tắt nội dung công việc hoặc tên các gói thầu đã thực hiện.

(2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện.

(3) Ghi giá trị của phần công việc, ghi cụ thể đồng tiền.

(4) Ghi tên văn bản phê duyệt (Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định giao việc, ...).

III. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu

Bảng số 2

STT	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Đơn vị thực hiện ⁽²⁾	Giá trị ⁽³⁾
1			
2			
...			
Tổng giá trị thực hiện [kết chuyển sang Bảng số 5]			

Ghi chú:

(1) Mô tả tóm tắt nội dung công việc và không bao gồm phần công việc đã kê tại Bảng 1.

(2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện (nếu có).

(3) Ghi giá trị của phần công việc; ghi cụ thể đồng tiền.

IV. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

[Chủ đầu tư điền các nội dung cụ thể của gói thầu trong **Bảng số 3** theo hướng dẫn quy định tại Điều 5 Thông tư này].

Bảng số 3

STT	Tên gói	Giá gói	Nguồn	Hình thức	Phương thức lựa	Thời gian	Loại hợp	Thời gian
-----	---------	---------	-------	-----------	-----------------	-----------	----------	-----------

	thầu	thầu	vốn	lựa chọn nhà thầu	chọn nhà thầu	bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	đồng	thực hiện hợp đồng
1								
2								
....								
Tổng giá gói thầu <i>chuyển [kết sang</i> Bảng số 5]								

2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Trong Mục này cần giải trình các nội dung tại **Bảng số 3**, cụ thể như sau:

a) Cơ sở phân chia các gói thầu: ___ [giải trình cơ sở phân chia dự án thành các gói thầu. Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, không được chia những công việc của dự án thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ;

+ Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án;

+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án, năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);

Việc chia dự án thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu].

b) Giá gói thầu;

c) Nguồn vốn;

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu;

đ) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;

e) Loại hợp đồng;

g) Thời gian thực hiện hợp đồng.

V. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)

Bảng số 4

STT	Nội dung	Giá trị
1		
2		
3		

...		
n		
Tổng giá trị các phần công việc [kết chuyển sang Bảng số 5]		

VI. Tổng giá trị các phần công việc

Bảng số 5

STT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	
3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)	
Tổng giá trị các phần công việc		
Tổng mức đầu tư của dự án		[ghi tổng mức đầu tư của dự án]

VII. Kiến nghị

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, [ghi tên chủ đầu tư] đề nghị ___ [ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: ___ [ghi tên dự án].

Kính trình [ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, quyết định./.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức thẩm định;
- Lưu VT.

PHỤ LỤC TỜ TRÌNH

(Kèm theo Tờ trình số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___)

BẢNG TÀI LIỆU KÈM THEO VĂN BẢN TRÌNH DUYỆT

STT	Nội dung	Ghi chú
1	Quyết định số ___ của ___ về việc phê duyệt dự án ___	Bản chụp
2	Quyết định số ___ của ___ về việc phê duyệt dự toán ___	Bản chụp
	Các văn bản phê duyệt tại Bảng số 1	Bản chụp
...		
n		

